

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:37
Group D8
Round 6
Date 21.7.26 Board 1

WHITE				BLACK					
Gosahova Aiat				Rus					
Saidastha Singh				Ind					
RESULT (W)				RESULT (B)					
0				7					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Re1	00	41	a6	Rd1	
2	Nf3	d6	22	Nb3	Nf4	42	Rc4	Ke6	
3	d4	d	23	Bf4	ef	43	Rd1	0-0	
4	Nd4	Nf6	24	Rf7	a5	44	Rf7	g5	
5	Nc3	a8	25	Qa5	Qa5	45	Rf7	h4	
6	f3	e5	26	Ng5	Rc5	46	Rg7	f3	
7	Nb3	Be6	27	Nb3	Rg5	47	Rf5	Rd1	
8	Be3	Be7	28	Kb2	Rf5	48	Rf5	Re3	
9	Qd2	Nbd7	29	Qf7	Rg7	49	Rf6	Rb7	
10	0-0-0	Rc8	30	c3	Re8	50	Kc4	Rh7	
11	g4	b5	31	Rc2	Rf	51	Re6	Kf5	
12	g5	Nh5	32	A4	Rb5	52	Rd8	Kg2	
13	Nd5	Bd5	33	Rd1	Rh3	53	Rd2	f2	
14	Qd5	Nb6	34	Nd4	Bd4	54	Kd2	Rax	
15	Qd2	Nc4	35	cd	Rb8	55	Ke2	Rd2	
16	Bc4	bc	36	Kd2	Rf8	56	Kd2	af7	
17	Nd5	c3	37	Rc3	Rc8	57	h4	Qf3	
18	Qd5	cb	38	Rc8	Kf7	58	h5	Qh5	
19	Kf7	Qc2	39	Q5	Rf7	59	Kc3	Qd5	
20	Rd2	Qc3	40	Kb3	Rf1	60	Kb2	Qd3	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
								A1	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:37
Group G9
Round 6
Date 21.7.26 Board 1

WHITE				BLACK				
Goswami Aiat				Saidastha Singh				
FED Rus				FED Ind				
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re1	00	41	a6	Ra1
2	Nf3	d6	22	Nb3	Nf4	42	Rc7	Kd6
3	d4	cx5	23	Bxf4	exf4	43	a7	Kd5
4	Nxd4	Nf6	24	Rf1	a5	44	Rc7	g5
5	Nc3	a8	25	Qa5	Qa5	45	Rh7	Kd4
6	f3	e5	26	Nxg5	Rc5	46	Rg7	f3
7	Nb3	Be6	27	Nb3	Rxg5	47	Rg5	Rxa7
8	Be3	Be7	28	Kx62	f5	48	Rf5	Ke3
9	Qd2	Nbd7	29	exf5	Bxf5	49	Rf6	Rg7
10	000	Rc8	30	c3	Rc8	50	Kf4	Rh7
11	g4	b5	31	Rc2	Be6	51	Re6	Kf2
12	g5	Nh5	32	a4	Rh5	52	Rxd6	Kb2
13	Nd5	Bxd5	33	Rb1	Rh3	53	Rd2	f2
14	Rxd5	Nb6	34	Nd4	Bxd4	54	Kd3	Rd7
15	Qd2	Nc4	35	cx4	Rb8	55	Ke3	Rd2
16	Bxc4	bx4	36	Ka2	Rxf3	56	Kxd2	f1=Q
17	Na5	c3	37	Rc8	Rc8	57	h4	Qf3
18	Qd5	cx62	38	Rc8	Kf7	58	h5	Qh5
19	Kb1	Qc7	39	a5	Rf2	59	Kc3	Qd5
20	Rd2	Qc3	40	Kb3	Rc1	60	Kd2	Qd3
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				A1				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:06
Group G8
Round 6
Date 2026.7.21
Board 2

WHITE Lan, Jia				BLACK Vo Lan Khue					
FED 0				FED 1507					
RESULT (A) 1/2				RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Td429	Mca46	41	Vc5	Vc7	
2	c4	dc4	22	Ta628	xc646	42	g4	Mb7	
3	MF3	MF6	23	xc319	xc9845	43	Vb4	Vb6	
4	a3	e6	24	Me449	xd742	44	f5	a5	
5	Tc4	c5	25	xd418	Mca542	45	Vb3	Mc6	
6	MC3128	a6127	26	a47	Mq740	46	Vc3	VF6	
7	O-O126	b5127	27	a57	xc839	47	Fb4	Fc6	
8	Tb3123	Tb7120	28	Mc25	Mc638	48	Vd4	a4	
9	dc5114	Hd1115	29	g35	xd138	49	h4	h3	
10	xd1115	Tc5115	30	xd14	xd138	50	Md3	h2	
11	Tc2114	O-O115	31	Vg23	xc138	51	Mgb4	Vb6	
12	a31110	Ta6107	32	Ma25	Mb438	52	Ma6	gt	
13	xc845	T	33	Mc45	xc238	53	hg	hg	
14	b4111	xc8105	34	xc25	Mc238	54	g6	Vb6	
15	Tb2114	Md17103	35	Mg2	Mb5	55	MC1	MF5	
16	xc1107	Mb6104	36	VF3	Vf8	56	Vg7	Mc6	
17	Tb3102	h659	37	Ve3	Mc6	57	Ve5	Tg7	
18	*Mg28	Td556	38	F4	Ve7	58	Vc6	Me7	
19	Tc251	MF552	39	e4	Mq5	59	Vc2	Ve7	
20	c442	Me742	40	Vd4	Vd7	60	Vg7	Vc5	
SIGNATURE (WHITE) lan Jia				SIGNATURE (BLACK) Khue				SIGNATURE (ARBITER) An	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:06
Group G8
Round 6
Date 2026.7.21
Board 2

WHITE Lan Jia				BLACK Vo Lan Khue				
FED CHN				FED VIE				
RESULT (A) 1/2				RESULT (B) 1/2				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ba17	Ra7	41	g4	Nb7
2	c4	dk4	22	Rc3	Rb8	42	Kb6	f5
3	Nf3	Nf6	23	Nf4	Rb7	43	a5	Rb6
4	e3	e6	24	Rb4	Nc8	44	Rb3	Nc5
5	Bc4	c5	25	a4	Na2	45	Kc3	Kc6
6	Nb3	a6	26	a5	Rb8	46	fcb	fcb
7	O-O	b5	27	Nc2	Nc6	47	Tc4	a4
8	Bb3	Bb7	28	g3	Rd1	48	Mf4	a3
9	d5	gbl	29	Rd1	Rd1	49	Nb3	a2
10	Rd1	Bc5	30	Kg2	Rc1	50	Nb4	Feb
11	Bc2	O-O	31	Nd2	Nb9	51	Na2	Na6
12	a3	Ba7	32	Nc4	Rc2	52	Ng5	Kb5
13	b4	Rb8	33	Rc2	Nc2	53	Ng5	Ka5
14	Bb2	Md7	34	Nb2	Nb4	54	g6	Kb6
15	Ra4	Nb6	35	Kf3	Kb8	55	Nc1	Nb7
16	Bb3	h6	36	Ke3	Nc6	56	Nc6	Kc3
17	Nc2	Rb5	37	f4	Kc7	57	Nc5	Vf4
18	Bb5	Nb5	38	e3	Na5	58	b4	Kb3
19	e4	Nc7	39	g4	Kc7	59	Nb4	Kb2
20	Bb4	Nc4	40	Kc5	Kc7	60	Kc4	Nb3
SIGNATURE (WHITE) lan Jia				SIGNATURE (BLACK) Khue				
				SIGNATURE (ARBITER) An				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group 68
Round 6

Date 2024

Board 3

WHITE <i>Zheng Jintian</i>				FED CHN				RESULT (N)			
BLACK <i>姚清宇</i>				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	c5	21	Rc1	Qd7	41	Nf5	Qe2			
2	Nc3	Nb6	22	b5	Bb7	42	Bg2	h6			
3	g3	Nf6	23	Ra3	Pf6	43	Qd9	Bc5			
4	Bd2	g6	24	Rf2	Qd7	44	Qd1	g5			
5	Nd2	Bg7	25	h2	Nb5	45	Bd3	Qh3			
6	Qd	Qd	26	B5	B5	46	Qd3	Qd1			
7	d3	d6	27	Qd5	Rf6	47	Qd1	Qd3			
8	d3	Q5	28	Qd1	Rf6	48	Qd3	Qd3			
9	Bd3	Nd4	29	Qd1	f6	49	Qd1	h5			
10	Qd	Bd7	30	Qd1	f6	50	Nd4	Kf6			
11	Qd2	Nd3	31	Bd1	f5	51	Nd6	Kd6			
12	Qd	Qd5	32	Rd1	f6	52	Qd7	Kd6			
13	Nd5	Qd5	33	Qd	Qd7	53					
14	Qd2	Qd7	34	Qd1	Rf1	54					
15	Nd7	Qd7	35	Qd1	Qd7	55					
16	f6	d6	36	Rd1	Qd7	56					
17	Rd3	Bb6	37	Qd1	Qd7	57					
18	Q3	Qd6	38	Rd3	Qd7	58					
19	Bd1	Qd6	39	Rd3	Qd7	59					
20	Qd	Qd6	40	Rd3	Qd7	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Zheng Jintian</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>姚清宇</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>SR</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group 68
Round 6

Date 2024

Board 3

WHITE <i>Zheng Jintian</i>				FED CHN				RESULT (N)			
BLACK <i>姚清宇</i>				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	c5	21	Rc1	Qd7	41	Nd5	Qe6			
2	Nc3	Nb6	22	b5	Bb7	42	Bg2	h6			
3	g3	Nf6	23	Ra3	Rd8	43	Qd1	Bc5			
4	Bd2	g6	24	Rf2	Bf6	44	Rf1	g5			
5	Nd2	Bg7	25	Rb2	Nc5	45	Bh3	Qxh3			
6	Qd	Qd	26	Bxc5	Bxc5	46	Qxh3	Bd1			
7	d3	d6	27	Qd5	Qd6	47	Qd3	Bxh3			
8	h3	Q5	28	Rd1	Rf8	48	Kxh3	gh			
9	Bd3	Nd4	29	Rf1	f6	49	gh	h5			
10	Qd	Bd7	30	Qd1	Rd8	50	Nb4	Kd6			
11	Qd2	Qd5	31	Rd1	f5	51	Nc6	Qe6			
12	Qd	Qd5	32	Rf1	f6	52	Nxa7	Kd6			
13	Nd5	Qd5	33	d6	Qd7	53					
14	Qd2	Qd7	34	h4	Rxf1	54					
15	Nd7	Qd7	35	Qx+1	Qd7	55					
16	f6	d6	36	Rd3	Rf8	56					
17	Rd3	Bb6	37	Qd1	Bc8	57					
18	Q3	Qd6	38	Rf3	Rxf3	58					
19	Bd1	Qd6	39	Bxf3	Qd7	59					
20	Qd	Qd6	40	Nc3	Bd4	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Zheng Jintian</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>姚清宇</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>SR</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 1219
Round 6
Date 2026.7.21
Board 4

WHITE <u>Huyunh Bao Kim</u>				FED		RESULT (W) <u>1/2</u>		
BLACK <u>Tao Hongyu</u>				FED		RESULT (B) <u>1/2</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	mf6	21	neg	g4	41		
2	c4	eg6	22	b h 6	h4	42		
3	mf3	bf4	23	tg5	ht5	43		
4	b b 4	bd2	24	ng2	be5	44		
5	be2	br9	25	md7	tg7	45		
6	c6	e3	26	kg7	ftc6	46		
7	bb4	mbd2	27	fte7	nd6	47		
8	bf8	A3	28	rd8	rtd5	48		
9	g5	bd3	29	ng3	kh2	49		
10	bx7	o-o	30	re3	nc4	50		
11	O-o	h3	31	neg	rd1	51		
12	b6	nc1	32	AF8	rd8	52		
13	b46	qe2	33	rtd8	d5	53		
14	nh5	bh2	34	NEG	cl6	54		
15	f5	cd5	35	Ng5	A4	55		
16	txd3	htd5	36	nf7		56		
17	qds	qc4	37			57		
18	f4	qtd5	38			58		
19	ed5	ng5	39			59		
20	fe3	fe3	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <u>kim</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Tao Hongyu</u>		SIGNATURE (ARBITER) <u>tc</u>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 1219
Round 6
Date 2026.7.21
Board 4

WHITE <u>Huyunh Bao Kim</u>				FED <u>0 VS 6</u>		RESULT (W) <u>1/2</u>		
BLACK <u>Tao Hongyu</u>				FED <u>6 vs 0</u>		RESULT (B) <u>1/2</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	nf6	21	fe	Re8	41		
2	c4	e6	22	g4 g4	dh6	42		
3	nf3	d5	23	h6	df5	43		
4	Re6	Bb4	24	h9 h9	ug7	44		
5	Bd2	ce7	25	B Bc7	Nd7	45		
6	Bf4	c6	26	Bg7 Bg7	kg7	46		
7	e3	Bb4+	27	rc6	Re3	47		
8	nd8	Bf8	28	rd6	rd8	48		
9	g3	g6	29	rd7	Rg3	49		
10	Bd3	bg7	30	Kh2	Re3	50		
11	o-o	o-o	31	Ng4	Ree8	51		
12	h3	b6	32	rd4	Nf8	52		
13	rd4	Ba6	33	rd8	rd3	53		
14	Ree2	Nh7	34	d5	ne6	54		
15	Bh7	f5	35	db	Nf7	55		
16	cd	Bd3	36	ao	Nf7	56		
17	rd3	cd5	37			57		
18	q4	td	38			58		
19	cd5	ed	39			59		
20	Nf7	fe	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <u>Kim</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Tao Hongyu</u>		SIGNATURE (ARBITER) <u>Kim</u>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
AZIMIZADEH, NIKKI				FED 121				FED 121				FED 121			
FED 121				FED 121				FED 121				FED 121			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	24	15	21	KP85	NH	41	C44	RP44							
2	21	995	22	RP5	CF	42									
3	KC3	QAS	23	K24	QJ4	43									
4	J4	P5	24	BC3	CE5	44									
5	PE2	CJ5	25	BP62	NS	45									
6	de	QES	26	NP3	NS	46									
7	KFS	CE2P2	27	RPB3	65	47									
8	KLCE2	KCB	28	AS	HS	48									
9	CJ2	CF5	29	KPC2	AA4H4	49									
10	0-0-0	0-0-0	30	AM	64	50									
11	CF4	NS	31	C6	C62	51									
12	NH61	RL6	32	LA	CA1	52									
13	Kb5	CC45	33	C65	NS	53									
14	NE2	AG	34	NG	KPB7	54									
15	KCS	NS	35	C4	APB8	55									
16	NH43	KAS	36	AS	KPC6	56									
17	CF7	NH18	37	AB1	CJ4	57									
18	NS	C65	38	APB3	RPB5	58									
19	AP5	AP9	39	CC3	NS	59									
20	RP4	KCS	40	APB2	KPB1	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Nikki				FED 1517				FED 1517				FED 1517			
FED 1517				FED 1517				FED 1517				FED 1517			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	24	15	21	NH5	NH7	41	24	RP41							
2	21	995	22	NH6	995	42	6x44	Kx44							
3	NC3	245	23	NE7	B44	43									
4	d4	es	24	C3	BE5	44									
5	Qd2	axex306	25	KC2	RL5	45									
6	axex306	axex306	26	RP3	RP3	46									
7	NP3	axex2	27	Kb3	65	47									
8	Bxe2	NC6	28	as	h5	48									
9	Qd2	0-0-0	29	Kc2	h4	49									
10	0-0-0	0-0-0	30	Ra1	64	50									
11	Bc4	Rt5	31	Cxb4	bxb2	51									
12	Rhe1	Nb5	32	bxc5	Na1	52									
13	RN b5	Bc5	33	Bb4	Rg6	53									
14	Re2	ap	34	g3	hxg3	54									
15	NC3	rd3	35	fxg3	Rh5	55									
16	h3	Nd5	36	Rb3	b6	56									
17	Bxf2	AP5	37	Bd4	-	57									
18	Rd5	Bg6	38	kd3	Fd7	58									
19	Rxf5	Rxf7	39	-	Rxb7	59									
20	Ne4	Nc4	40	ke2	Kxe4	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **6**
Date **7/20** Board **6**

WHITE Yang Peilin				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Prayer Elizaveta				FED RUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g6	e5	g6	Kh1	NH4	41	kg2	ke6		
2	Nf3	Ng6	Nc6	Ng6	NH5	Ng6	42	kg3	g5		
3	Bb5	Ng7	Ng7	g6	Rad1	Rad8	43	h4	gh		
4	O-O	Ng6	Ng6	g6	Rd8	Rd8	44	Kh4	k4		
5	c3	g7	db	g9	Rd1	Rd1	45	Kh5	t5		
6	d4	g7	db	bb	Qd1	Kh7	46	ef	k45		
7	Ba4	g6	Bd7	57	Qd6	Qd6	47	b5	Nbb		
8	Bg5	g8	Be7	54	ndb	kg8	48	Be2	Nd7		
9	Be7	g7	Nce7	50	a4	k48	49	Be6	k44		
10	Bb3	g3	O-O	43	ab	ab	50	Be4	Nbb		
11	Nbd2	g1	g5	39	Nb5	ke7	51	kg6	Nd4		
12	Re1	58	b5	34	Na3	Ne5	52	k4b	Nbb		
13	NH1	c4		33	kg1	N+3	53	ke6	Nc6		
14	Be2	Qc7		34	kh1	Ne5	54	kd5	Nbb		
15	Ng3	N+4		35	b4	kdb	55	kcb	Nd4		
16	db	de		36	Ba4	Ne2	56	bb	Nbb		
17	Nb5	Bh3		37	Bb5	Nc3	57	hbb	ke5		
18	gh	Qe5		38	Nc4	Nc4	58	ke6	k4b		
19	Qg4	h5		39	Bc4	t6	59	kdb	k47		
20	Q+3	NH3		40	t3	Nd4	60	t4	k4b		
SIGNATURE (WHITE) Yang Peilin				SIGNATURE (BLACK) Li Zhi				SIGNATURE (ARBITER) Sic			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **6**
Date **7/20** Board **6**

WHITE Azim Yang				FED				RESULT (W)			
BLACK Prayer				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	g4	g5	21	kg4	kg4	41	NH	gh			
2	kg3	kg5	22	kg5	kg5	42	kg4	kg4			
3	g5	kg4	23	kg4	kg4	43	kg5	ts			
4	O-O	kg6	24	kg6	kg6	44	kg	kg45			
5	g3	g5	25	kg4	kg4	45	g5	kg5			
6	g4	g5	26	kg5	kg5	46	g5	kg5			
7	ch4	g5	27	kg5	kg5	47	g5	kg5			
8	g5	g5	28	kg5	kg5	48	kg5	kg5			
9	g5	g5	29	kg5	kg5	49	kg5	kg5			
10	g5	O-O	30	kg5	kg5	50	kg5	kg5			
11	kg5	g5	31	kg5	kg5	51	kg5	kg5			
12	g5	g5	32	kg5	kg5	52	kg5	kg5			
13	kg5	g5	33	kg5	kg5	53	kg5	kg5			
14	g5	g5	34	kg5	kg5	54	kg5	kg5			
15	kg5	g5	35	kg5	kg5	55	kg5	kg5			
16	g5	g5	36	kg5	kg5	56	kg5	kg5			
17	g5	g5	37	kg5	kg5	57	kg5	kg5			
18	g5	g5	38	kg5	kg5	58	kg5	kg5			
19	g5	g5	39	kg5	kg5	59	kg5	kg5			
20	g5	g5	40	kg5	kg5	60	kg5	kg5			
SIGNATURE (WHITE) Yang Peilin				SIGNATURE (BLACK) Li Zhi				SIGNATURE (ARBITER) Sic			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 68
Round 6
Date 7.21 Board 1

WHITE 薛静为				FED				RESULT (W) 1			
BLACK 李强				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ad2	gbe8	41	Re3	bc			
2	c4	g6	22	Ng5	gh6	42	Kc3	Kd6			
3	Nf3	Bg7	23	h4	ad7	43	g4	Kc5			
4	Ng3	0-0	24	ae3	ab	44	f4 f5	d4			
5	Bg2	db	25	ad2	bs	45	Kc2	Kb4			
6	0-0	Bf5	26	cb	ab	46	f6	eb			
7	Nc3	Nc4	27	ae2	g5	47	Kd7				
8	Nh4	Nc3	28	Ng	c4	48					
9	bc	Bc8	29	Bf3	Bd3	49					
10	e4	c5	30	Bg4	Bc2	50					
11	Bb2	ac7	31	Bd7	Bd1	51					
12	Rc1	Nc6	32	Bc8	Re3	52					
13	d5	Nc5	33	Rd1	Ra3	53					
14	ab3	Nd3	34	Rd2	Ra3	54					
15	Rd1	Nb2	35	Rc2	Kf7	55					
16	Qb2	bb	36	f4	eb	56					
17	Nf3	Rd8	37	de	Ke6	57					
18	Qc2	Bd7	38	Kf2	d5	58					
19	Kf1	f5	39	Kb3	b4	59					
20	fe	Bf5	40	Kd2	Rc3	60					
SIGNATURE (WHITE) 薛静为				SIGNATURE (BLACK) Li, Mingyao				SIGNATURE (ARBITER) GR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 68
Round 6
Date 7.21 Board 1

WHITE 薛静为				FED 1577				RESULT (W) 1			
BLACK Li, Mingyao				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	db	Rc8	41	Rc3	bc			
2	c4	g6	22	Ng5	Bh6	42	Kc3	Kd6			
3	Nf3	Bg7	23	h4	ad7	43	g4	Kc5			
4	Ng3	0-0	24	ae3	ab	44	f4 f5	d4			
5	Bg2	db	25	ad2	bs	45	Kc2	Kb4			
6	0-0	Bf5	26	cb	ab	46	f6	eb			
7	Nc3	Nc4	27	ae2	g5	47	Kd7				
8	Nh4	Nc3	28	Ng	c4	48					
9	bc	Bc8	29	Bf3	Bd3	49					
10	e4	c5	30	Bg4	Bc2	50					
11	Bb2	ac7	31	Bd7	Bd1	51					
12	Rc1	Nc6	32	Bc8	Re3	52					
13	d5	Nc5	33	Rd1	Ra3	53					
14	ab3	Nd3	34	Rd2	Ra3	54					
15	Rd1	Nb2	35	Rc2	Kf7	55					
16	Qb2	bb	36	f4	eb	56					
17	Nf3	Rd8	37	de	Ke6	57					
18	Qc2	Bd7	38	Kf2	d5	58					
19	Kf1	f5	39	Kb3	b4	59					
20	fe	Bf5	40	Kd2	Rc3	60					
SIGNATURE (WHITE) 薛静为				SIGNATURE (BLACK) Li, Mingyao				SIGNATURE (ARBITER) GR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Himandi Schara		Zhu Xianshun		SRT		CHN		SRT		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
SRT		CHN		SRT		CHN		SRT		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	g6	21	Nxg7	Rxg7	41	Ke1	Rxf3			
2	g3	b6	22	Nf1	Rf8	42	Qb6	Rh1			
3	Bb2	Bb7	23	Qd2	f4	43	Qg1	Qxh1			
4	d4	c5	24	Bh3	Nf6	44	Kcd2	Qd1			
5	c3	Bg7	25	Qe2	Nh5	45					
6	Ba	d6	26	g4	f3	46					
7	Qc1	Nf6	27	Qe3	Nf4	47					
8	O-O	O-O	28	Kh2	Qc8	48					
9	Re1	Nbd7	29	Qxg5	Nxc1	49					
10	Nbd2	Qc7	30	Rxc1	Nd3	50					
11	e4	e5	31	Qe3	Nxc1	51					
12	d5	b5	32	Rxc1	Rf4	52					
13	Qa7	a6	33	RC2	Qf8	53					
14	Q5	a5	34	Qg3	Qe7	54					
15	Qc2	NC5	35	Nh2	Qxh5	55					
16	Rd1	Nfd7	36	Qxh9	Qxh4	56					
17	h4	nd3	37	Kg2	Qxh5	57					
18	b4	f5	38	f3	Rh8	58					
	Qb8	Qb8	39	Qxh3	Qxh3	59					
	Re8		40	Kf2	Qxg4	60					
SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (BLACK)			
F. u.				SRT				F. u.			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Rajaratne Himandi Schara		Zhu Xianshun		SRT		CHN		SRT		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
SRT		CHN		SRT		CHN		SRT		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	g6	21	Nxg7	Rxg7	41	Ke1	Rxf3			
2	g3	b6	22	Nf1	Rf8	42	Qb6	Rh1			
3	Bb2	Bb7	23	Qd2	f4	43	Qg1	Qxh1			
4	d4	c5	24	Bh3	Nf6	44	Kcd2	Qd1			
5	c3	Bg7	25	Qe2	Nh5	45					
6	Ba	d6	26	g4	f3	46					
7	Qc1	Nf6	27	Qe3	Nf4	47					
8	O-O	O-O	28	Kh2	Qc8	48					
9	Re1	Nbd7	29	Qxg5	Nxc1	49					
10	Nbd2	Qc7	30	Rxc1	Nd3	50					
11	e4	e5	31	Qe3	Nxc1	51					
12	d5	b5	32	Rxc1	Rf4	52					
13	Qa7	a6	33	RC2	Qf8	53					
14	Q5	a5	34	Qg3	Qe7	54					
15	Qc2	NC5	35	Nh2	Qxh5	55					
16	Rd1	Nfd7	36	Qxh9	Qxh4	56					
17	h4	nd3	37	Kg2	Qxh5	57					
18	b4	f5	38	f3	Rh8	58					
19	Qb8	Qb8	39	Qxh3	Qxh3	59					
20	Re8		40	Kf2	Qxg4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
F. u.				SRT				F. u.			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2/6/26 Board: 9

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
SARA				DIVISHA											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Ad3	Ab	41	Qc4	e5							
2	Kf3	d5	22	Rb5	Qb8	42	f3	c5							
3	Kc3	Rc8	23	Ab1	cd4	43	Ac4	Qb3							
4	e5	Rd7	24	Rd4	Qc3	44	Re4	d3							
5	d4	c5	25	Ad4	Qc3	45	Ad4	Qd1							
6	d2	cc5	26	Ad4	cc6	46	Ad3	Qe2							
7	cf4	Qb6	27	Ab6	PC4	47	Ac3	f5							
8	Qd2	ce7	28	Qb4	Ad4	48	Ad5	Qe3							
9	ce2	0-0	29	g4	Ad4	49	Qe6	Re4							
10	0-0	Rc6	30	Qb3	Ac4	50	Qe7	Ad6							
11	Ad4	Qc7	31	ce2	Ab4	51	Qe5	Qe5							
12	Ad4	Qc7	32	CP3	Ab1	52	Re5	Ad6							
13	Rd4	Rd4	33	Re2	Ab1	53	Rd7	Ad8							
14	Qd4	cc5	34	Qb1	Ad8	54	Rc4	g5							
15	Qd2	Re5	35	Qb4	d4	55	g3	h5							
16	b4	Ad6	36	CC8	bc	56	RC3	c4							
17	b5	Rf3	37	Rd3	h6	57	RC2	c3							
18	CP3	CP4	38	Ab4	Qd6	58	RC1	c2							
19	Qe1	Ch2	39	Qd5	Qd5	59	g4	f9							
20	Rd1	ce5	40	PC4	Ad8	60	f9	h4							
SIGNATURE (WHITE) SARA				SIGNATURE (BLACK) DIVISHA				SIGNATURE (ARBITER) Zi							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2/6/26 Board: 9

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
SARA, N.				Divisha, Navengmayakula.											
Kazakhstan				India											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4 1:27.20	e6 1:01.43	21	Ad3 0:23	Ab5 0:51	51	Qe7	c5							
2	Nf3 1:22.18	d5 1:26.12	22	Nxb5 0:15	Qb8 0:17	52	f3	c5							
3	Nc3 1:27.40	Nf6 1:25.58	23	Rb1 1:02	Bd7 0:09	53	Rc7	Qb3							
4	e5 1:27.30	Nd7 1:25.58	24	Nd4 1:12	Bx6 0:50	54	Re4	d3							
5	d4 1:27.40	c5 1:25.05	25	Rxd4 1:14	Rx4 0:45	55	Rd4	Qd1							
6	dxc5 1:25.07	Dxc5 1:25.05	26	Rb5 0:08	Bc4 0:31	56	Rxd3	Qe2							
7	Bf4 1:23.52	Qd6 1:27.14	27	Rb6 0:06	Cc7 0:49	57	Rc7	f5							
8	Qd4 0:47.51	Qe7 0:53.14	28	Gd4 0:47	Ra7 0:44	58	Kd5	Qc3							
9	Qe2 26.59	0-0 0:58.44	29	c4 31	Ra7 0:49	59	Qe6	h7							
10	0-0 1:01.51	Nc6 0:42.30	30	Qb3 0:40	Rxd4 0:24	60	Qe7	Re6							
11	Qf1 0:47.49	Qc5 0:55.57	31	Rd2 0:41	Rh2 0:13	61	Qc5	Qc5							
12	Qd7 0:42.12	Qc7 0:55.37	32	Rd3 0:39	Rf1 0:08	62	Kx5	Rc6							
13	Nd4 0:46.09	Nxb4 0:40.09	33	Rc2 0:38	Rxh1	63	Kd5	Rc3							
14	Qxh4 0:42.09	Bc5 0:49.11	34	Qxb1	Rd8	64	Kc4	g5							
15	Qd2 0:46.46	Nxc5 0:53.14	35	Qd4	d4	65	g3	h5							
16	Qd7 0:47.17	Bd4 0:52.44	36	Bxc6	bxc6	66	Kc3	c4							
17	b5 0:33.37	Nf3 0:52.39	37	Kd3	h6	67	Kc2	d3							
18	Rd7 0:42.23	Bd4 0:52.44	38	Rd7	Qd6	68	Kc1	c2							
19	Qe1 0:25.59	Bd4 0:52.44	39	Qd5	Qd5	69	g5	h4							
20	Kf1 0:21.50	Bd5 0:52.09	40	Qc7	Rd8	70	g5	h4							
SIGNATURE (WHITE) SARA				SIGNATURE (BLACK) DIVISHA				SIGNATURE (ARBITER) Zi							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
Round 6
Date 12/21 Board 10

WHITE N. W. YEN D. W. N. W. YEN				FED 1509		RESULT (W) 0.5		
BLACK Oh, Ye ram				FED 1421		RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qa2	Kc7	41	Qf4	Pc8
2	Bf4	Nf6	22	Nxd5	Nxd5	42	Kg5	Qf4
3	c3	g	23	Bxd5	Bxd5	43	exf4	Kf7
4	B	Bb	24	Rx5	Rhd8	44	Kxf5	b5
5	Bb6	Qd6	25	Rd2	Rxd2	45	Oxb4	Oxb4
6	Nf3	Qb4+	26	Qxd2	Qb3	46	Ke5	La
7	Nc3	Qxb2	27	Qc1	Kb7	47	Kd4	Nb3+
8	Nb5	Kd8	28	Ke2	Qa2	48	Ke3	Ke3 Nc1
9	Nb5	Qb4+	29	Kf3	Nb3	49	Nxb4	Re8+
10	c3	Qe7	30	Qc3	Nd2+	50	Ke3	Nb3
11	d4	h6	31	Kf4	g5	51	Nd3	Nd4+
12	Nf3	Nb7	32	Kd4	Qe6+	52	Kd4	Rc6
13	Nd3	Ne4	33	h5	f5	53	Nc5+	Kd7
14	ca	g6	34	Qg7+	Kb8	54	Kg5	h6
15	Qd5	Exd5	35	Qf8+	Kb7	55	h6	h6+
16	Qc2	c5	36	Qg7+	Kc8	56	Kg4	Ng6
17	Qc5	Nb5	37	Rc1	Kd8	57		
18	Nb4	Bb7	38	Qxg5+	Kc8	58		
19	Rd1	Qe6	39	Nc2	Qf7+	59		
20	Bc4	Nf6	40	Kf4	Qc4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
N. W. YEN			Oh, Ye ram			SK		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 6
Date 12/21 Board 10

WHITE			FED			RESULT (W)		
N. W. YEN			FED			12		
BLACK			FED			RESULT (B)		
Oh, Ye ram			FED			12		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qa2	KC7	41	QF4	RC8
2	B#f4	NF6	22	Nd5	Nd5	42	Kg5	QF4
3	e3	e6	23	Bd5	Bb3	43	Ke	KF7
4	h3	Bd6	24	Rd3	Rd8	44	KF5	b5
5	Bd6	Qd6	25	Rd2	Rd2	45	Qb	Qb
6	NF3	Qb4	26	Qd2	Qb3	46	Ke3	b4
7	NC3	Qb2	27	Qc1	Kb7	47	Kd4	Nb3
8	Nb5	Kd8	28	Ke2	Qa3	48	Kf3	Nc1
9	Nb5	Qb4	29	KF3	Nb3	49	Nb4	Re8
10	C3	Qe7	30	QC3	Nd2	50	KF3	Nb3
11	Q4	C6	31	KF4	g5	51	Nd3	Nd4
12	Nd3	Nb4	32	Kg4	Qe6	52	Kg4	Re6
13	Nd3	Ne4	33	Kh5	F5	53	Ne5	Kg7
14	C#4	b6	34	Qg7	Kb8	54	Kg5	h6
15	cd	ed	35	QF8	Kb7	55	Kg4	Nc6
16	Qc2	C5	36	Qg7	Kc8	56		
17	dc	Nd3	37	Rc1	Kd8	57		
18	Nb4	Bb7	38	Qg5	Kc8	58		
19	Rd1	Qe6	39	Nc2	QF7	59		
20	Bc4	Nf6	40	Kh4	Qc4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
N. W. YEN			Oh, Ye ram			SK		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10252
Group
068
Round
6
Date
2027
Board
11

WHITE Vera Yu				FED NCL				RESULT (W)			
BLACK Li Siyu				FED NCL				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ch		21	Rcd		41					
2		ch	22		Qf5	42					
3	cs		23	Qf6		43					
4		g8	24		Nc7	44					
5	Qd5		25	Rb6		45					
6		h2	26		h5	46					
7	Nb6		27	Ngh		47					
8		h3	28		Qd3	48					
9	Q3		29	Nb5		49					
10		Q-2	30		Rd1	50					
11	g2		31	Ng3		51					
12		h4	32		Kf1	52					
13	Qc3		33	Qd6		53					
14		h3	34		h4	54					
15	Nd1		35	h5		55					
16		h2	36	Nf1		56					
17	h4		37	h6		57					
18		Qf2	38			58					
19	h5		39			59					
20		h7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Vera				SIGNATURE (BLACK) Fiona				SIGNATURE (ARBITER) m			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10252
Group
068
Round
6
Date
2027
Board
11

WHITE Vera Yu				FED NCL				RESULT (W)			
BLACK Fiona Li				FED NCL				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ch		21	Rcd		41					
2	h4		22	Qf7		42					
3	cs		23	Rd6		43					
4		Bd3	24	Nc7		44					
5	Qd5		25	Qd6		45					
6		h2	26	Nc3		46					
7	Nb6		27	Ng4		47					
8		h3	28	Kh3		48					
9	Q3		29	Nc7		49					
10		Q-2	30	Nf1		50					
11	g2		31	Ng3		51					
12		h4	32	Kh1		52					
13	Qc3		33	Qd6		53					
14		h3	34	h4		54					
15	Nd1		35	h5		55					
16		h2	36	Qf2		56					
17	h4		37	Ng4		57					
18		Qf2	38			58					
19	h5		39			59					
20		h7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Vera Yu				SIGNATURE (BLACK) Fiona				SIGNATURE (ARBITER) m			

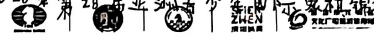
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 12

WHITE Lin Leyi (GD)								FED CHN	RESULT (P) 1/2
BLACK Liu Miao Yan								FED CHN	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Bxd6	Nxd6	41	b5	Rcc7	
2	Nf3	d5	22	Ne5	Rfd8	42	Nd6+	Nxd6	
3	Bf4	c5	23	Qb3	f6	43	Rxd6	Rb7	
4	e3	Nc6	24	Qxb6	ab	44	c4	Rec7	
5	c3	Qb6	25	Nxc6	Re8	45	Rd2	Ra7	
6	Qc1	Bf5	26	Rfd1	Rac8	46	Rb2	Ra4	
7	Nbd2	e6	27	Na4	Nc4	47	c5	Ke7	
8	Be2	Be7	28	Rab1	Rb8	48	Rcc2	Rxc5	
9	h3	Nh5	29	Nb5	Re7	49	Rxc5	bc	
10	Bh2	Bg6	30	Rd4	Ra8	50	b6	Ra8	
11	dC	Qxc5	31	b3	Ne5	51	a4	c4	
12	Nb3	Qb6	32	Rd2	Ra5	52	Rb4	c3	
13	Nbd4	o-o	33	Nd4	Rc5	53			
14	Qd2	h6	34	Rc1	Kf7	54			
15	Nxc6	bc	35	b4	Rc8	55			
16	Ne5	Nf6	36	Nb5	Rc6	56			
17	o-o	Bh7	37	e4	de	57			
18	Bd3	Bxd3	38	Nd6+	Kf8	58			
19	Nxd3	Ne4	39	Nxe4	Nc4	59			
20	Qc2	Bd6	40	Rd8+	Kf7	60			
SIGNATURE (WHITE) <i>Lin Leyi</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>刘妙颜</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>SR</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 12

WHITE Lin Leyi (GD) Std 1998								FED CHN	RESULT (P) 1/2
BLACK Liu Miao Yan								FED CHN	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Bd6	Nd6	41	Nd6+	Nd6	
2	Nf3	d5	22	Ne5	Rfd8	42	Rd6	12b7	
3	Bf4	c5	23	Qb3	f6	43	d4	RQc7	
4	e3	Nc6	24	Qb6	Ab	44	Rd2	Ra7	
5	c3	Qb6	25	Nc6	Re8	45	12b2	Rax	
6	Qc1	Bf5	26	Rfd1	Rac8	46	c6	Ke7	
7	Nbd2	e6	27	Nd4	Nc4	47	Rc2	Rb7	
8	Be2	Be7	28	Rab1	Rb8	48	Rb6	b6	
9	o-o	Nh5	29	Nb5	Re7	49	b6	Ra8	
10	Bh2	Bg6	30	Rd4	Ra8	50	a4	c4	
11	dC	Qxc5	31	b3	Ne5	51	Rb4		
12	Nb3	Qb6	32	Rd2	Ra5	52			
13	Nbd4	o-o	33	Nd4	Rc5	53			
14	Qd2	h6	34	Rc1	Kf7	54			
15	Nxc6	bc	35	b4	Rc8	55			
16	Ne5	Nf6	36	Nb5	Rc6	56			
17	o-o	Bh7	37	e4	de	57			
18	Bd3	Bxd3	38	Nd6+	Kf8	58			
19	Nxd3	Ne4	39	Nxe4	Nc4	59			
20	Qc2	Bd6	40	Rd8+	Kf7	60			
SIGNATURE (WHITE) <i>Lin Leyi</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>刘妙颜</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>SR</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: **G8**
Round: **6**
Date: **2026.7.26** Board: **13**

WHITE: Sreyasshi Jain				FED: IND				RESULT (W)			
BLACK: Guo Hezi				FED: CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	e5	Nd5	41					
2	d4	d5	22	Re1	Bf4	42					
3	f3	de	23	Ne4	Ne3	43					
4	fe	e5	24	Nd3	Bg5	44					
5	Nf3	Bg4	25	Qh5	Qf7	45					
6	Bc4	Nd7	26	Bd5	Nd5	46					
7	0-0	Nf6	27	Ne4	Nf4	47					
8	c3	b5	28	Ng5	ac2	48					
9	Bb3	Bb6	29	Rf4	Qd2	49					
10	Be3	0-0	30	Re1	h3	50					
11	Nbd2	Qc7	31	Rf1	Rf7	51					
12	Qe1	Bf3	32	Qf7	Kh7	52					
13	Rf3	red	33	Qh5	Kg8	53					
14	cd	Bh2	34	e6	Qe3	54					
15	Kh1	Ng4	35	Rf8	h8	55					
16	Bg5	Qd6	36	Qf7		56					
17	Qh4	h6	37			57					
18	Be7	Qg6	38			58					
19	Bf8	Rf8	39			59					
20	Raf1	Nh4	40			60					
SIGNATURE (WHITE): Sreyasshi Jain				SIGNATURE (BLACK): Guo Hezi				SIGNATURE (ARBITER): Sre			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: **G8**
Round: **6**
Date: **2026.7.26** Board: **13**

WHITE: Sreyasshi Jain				FED: India				RESULT (W)			
BLACK: Hezi Guo				FED: China				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4-1:20	c6	21	e5-1:14	Nd5	41					
2	d4-1:31	d5	22	Re1-1:40	Bf4	42					
3	f3-1:31	de	23	Ne4-1:49	Ne3	43					
4	fe-1:31	e5	24	Nd3-1:59	Bg5	44					
5	Nf3-1:31	Bg4	25	Qh5-2:07	Qf7	45					
6	Bc4-1:30	Nd7	26	Bd5-1:57	Nd5	46					
7	0-0-1:29	Nf6	27	Ne4-1:57	Nf4	47					
8	c3-1:28	b5	28	Ng5-1:56	ac2	48					
9	Bb3-1:27	Bb6	29	Re1-1:56	Qd2	49					
10	Be3-1:24	0-0	30	Rf1-1:05	h3	50					
11	Nbd2-1:23	Qc7	31	Rf7	Rf7	51					
12	Qe1-1:22	Bf3	32	Qf7	Kh7	52					
13	Rf3-1:21	red	33	Qh5	Kg8	53					
14	cd-1:20	Bh2	34	e6	Qe3	54					
15	Kh1-1:20	Ng4	35	Rf8	h8	55					
16	Bg5-1:19	Qd6	36	Qf7		56					
17	Qh4-1:17	h6	37			57					
18	Be7-1:16	Qg6	38			58					
19	Bf8-1:16	Rf8	39			59					
20	Raf1-1:15	Nh4	40			60					
SIGNATURE (WHITE): Sreyasshi Jain				SIGNATURE (BLACK): Guo Hezi				SIGNATURE (ARBITER): Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C6**
Round **6**
Date **11.12**
Board **14**

WHITE				BLACK				RESULT			
A Z a m K b u d e y m				N u r a n i V a s i y a				11/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	L4	L6	21	Q4	Q23	41	Ld3	K9d5			
2	Q5b4	d5	22	Qb7	Qd4	42	Qd3	Kc6			
3	Kc3	d6	23	Qd7	Qe4	43	Kg7	Kd3			
4	Qe4	cd7	24	b4	Ld1	44	C5	Kc4			
5	Cf3	cc6	25	a3	h3	45	K9c6	f4			
6	cd3	Kd7	26	a2	b2	46	h5	Q3			
7	Kd2	Kf6	27	Qb4	Qd4	47	K9b6				
8	O-O	Cd6	28	Ld4	Kd2	48					
9	Qd2	O-O	29	Lb8	K9d7	49					
10	Ld1	Lb8	30	K9g8	K9e2	50					
11	Ce5	Lb	31	Kf8	Kd1	51					
12	Kd5	Kf3	32	Kd7	K9c2	52					
13	Q3	d5	33	K9d7	Cd4	53					
14	Q	Ke5	34	Kc6	Cc3	54					
15	Cd3	C4	35	Qb	Kb3	55					
16	Kd3	Cb7	36	Ld3	K9d5	56					
17	Kd8	b6	37	K9d7	Kc6	57					
18	Kc3	Kd1	38	K9c4	Kb8	58					
19	Ld1	Qd7	39	Lb3	K9d2	59					
20	Qd2	Cd4	40	Lb3	Kd7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C6**
Round **6**
Date **11.12**
Board **14**

WHITE				BLACK				RESULT			
A Z a m K b u d e y m				N u r a n i V a s i y a				11/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	L6	21	Ld1	Qd7	41	Qd4	Kc6			
2	Qd4	d5	22	Qd4	Cd1	42	Kd1	Kc4			
3	Kc3	d6	23	Qe4	Qd3	43	Kd1	Kc3			
4	Kd4	Cd7	24	Qb7	Qd4	44	Kd2	Qb3			
5	Kf3	cc6	25	Kd1	Qd7	45	Kd7	Ld3			
6	Cd3	Ld7	26	Qd4	Qd4	46	Kc2	Ld7			
7	Ked4	Ld6	27	Ld1	Q3	47	Ld2	Kd5			
8	O-O	Cd6	28	h3	Q2	48	Ld2	Kc6			
9	Qe2	O-O	29	Qc2	Qd4	49	Kd2	Kc6			
10	Ld1	Lb8	30	Qd4	Ld4	50	Kd3	Cd5			
11	Kd4	Ld6	31	Kd2	Ld1	51	Qd4	Kc6			
12	Kd4	Kc6	32	Kd1	Kd1	52	f4	h5			
13	Kd4	Kc6	33	Qd2	Kd1	53	Q3	Kc6			
14	Q3	Cd5	34	Kd1	Kc6	54					
15	Qd2	Kc4	35	Kd1	Kc6	55					
16	Qd2	Kc4	36	Kd1	Kc6	56					
17	Qd2	Kc4	37	Cc3	Kc6	57					
18	Cd3	Kc4	38	Kb3	Ld3	58					
19	Ld1	Kc4	39	Kd5	Kc6	59					
20	Qc2	Ld1	40	Kd5	Ld1	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 15

WHITE Gong, Ziyixuan				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Duc Huynh My				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nd5	Rd5	41					
2	Nxf3	d6	22	Rd5	Qc3	42					
3	d4	cd4	23	b3	Rb3+	43					
4	Nd4	Nf6	24	cb3	Qb3+	44					
5	Kc3	a6	25	Ke1	Kc8	45					
6	Bc3	g6	26	Kd2	Rc2	46					
7	f3	g7	27	Ke1	Qe2	47					
8	Qd2	Nf6	28	Kf1	Qc1	48					
9	0-0-0	Nf4	29			49					
10	Bd4	Bc6	30			50					
11	Kb1	0-0	31			51					
12	g4	b5	32			52					
13	h4	Qa5	33			53					
14	a3	Qc7	34			54					
15	h5	Rb8	35			55					
16	h6	g6	36			56					
17	Qh2	g4	37			57					
18	Qh2	g4	38			58					
19	Qh2	g4	39			59					
20	Qh2	g4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Gong, Ziyixuan				SIGNATURE (BLACK) MY				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 15

WHITE Gong, Ziyixuan				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Duc Huynh My				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nd5	Rd5	41					
2	Nf3	d6	22	Rd5	Qc3	42					
3	d4	cd4	23	b3	Rb3	43					
4	Nd4	Nf6	24	cb3	Qb3	44					
5	Kc3	a6	25	Qb3	Qc7	45					
6	Bc3	g6	26	Qb3	Qc7	46					
7	f3	g7	27	Qb3	Qc7	47					
8	Qd2	Nf6	28	Qb3	Qc7	48					
9	0-0-0	Nf4	29			49					
10	Bd4	Bc6	30			50					
11	Kb1	0-0	31			51					
12	g4	b5	32			52					
13	h4	Qa5	33			53					
14	a3	Qc7	34			54					
15	h5	Rb8	35			55					
16	h6	g6	36			56					
17	Qh2	g4	37			57					
18	Qh2	g4	38			58					
19	Qh2	g4	39			59					
20	Qh2	g4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Gong, Ziyixuan				SIGNATURE (BLACK) MY				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	6
Date	21/7/26
Board	1b

WHITE Xu Lezhi				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Pragritika Vohra				FED IND				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd3	f5	41					
2	Nf3	Nc6	22	af2	Rb8	42					
3	Bd4	Bc5	23	b3	Qe8	43					
4	c3	Nf6	24	Rf3	Rb4	44					
5	d4	e5	25	g3	af5 a5	45					
6	e5	d5	26	R5	a4	46					
7	Bb5	Ne4	27	ad4	Rxb4	47					
8	cxd4 Bb4		28	Qc2	Rxd4	48					
9	Nd2	Bxh2	29	Qxf5	Re4	49					
10	Bxd2 Nxd2		30	Qh3	Rxf4	50					
11	Qxd2	O-O	31	Qg2	Qg2	51					
12	Bxc6 bxc6		32	Qc2	Rxc5	52					
13	Rc1	Bd7	33	Rxc6	Rxc6	53					
14	O-O	Re8	34	Qxc6	Re1	54					
15	Rf1	Re6	35	Kg2	Qe2	55					
16	Ng5	Rg6	36	Kh3	Qh5	56					
17	f4	h6	37	Kg2	Re2	57					
18	Nf3	Bf5	38	Kf1	Qf3	58					
19	Re3	Be4	39	Kg1	Qg2	59					
20	Red	Rf3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu, Lezhi				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) S/R			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G08
Round	6
Date	21/7/26
Board	1b

WHITE Xu Lezhi				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Pragritika Vohra				FED IND				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd3	f5	41					
2	Nf3	Nc6	22	af2	Rb8	42					
3	Bd4	Bc5	23	b3	Qe8	43					
4	c3	Nf6	24	Rf3	Rb4	44					
5	d4	e5	25	g3	af5 a5	45					
6	e5	d5	26	R5	a4	46					
7	Bb5	Ne4	27	ad4	Rxb4	47					
8	cxd4 Bb4		28	Qc2	Rxd4	48					
9	Nd2	Bxh2	29	Qxf5	Re4	49					
10	Bxd2 Nxd2		30	Qh3	Rxf4	50					
11	Qxd2	O-O	31	Qg2	Qg2	51					
12	Bxc6 bxc6		32	Qc2	Rxc5	52					
13	Rc1	Bd7	33	Rxc6	Rxc6	53					
14	O-O	Re8	34	Qxc6	Re1	54					
15	Rf1	Re6	35	Kg2	Qe2	55					
16	Ng5	Rg6	36	Kh3	Qh5	56					
17	f4	h6	37	Kg2	Re2	57					
18	Nf3	Bf5	38	Kf1	Qf3	58					
19	Re3	Be4	39	Kg1	Qg2	59					
20	Red	Rf3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu, Lezhi				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) S/R			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G-8
Round	6
Date	7.21
Board	17

WHITE Huang Yujia			FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Hsayaeva Lasya			FED TKM			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxb5	Rxe4	41		
2	Nf3	d6	22	Qb7	Rc4	42		
3	d4	cxd4	23	Qxa7	Qc7	43		
4	Nxd4	Nf6	24	Qc8	Qf2	44		
5	Nc3	g6	25	Qa8	kb1	45		
6	Be3	Bg7	26	Qdhl	Nc1	46		
7	f3	o-o	27	Rf4	Qd2	47		
8	Qd2	Bd7	28	Qe6	Rb3	48		
9	a-o-o	Nc6	29	Rf6	Qe3	49		
10	h4	Rc8	30	Rc8	Qd2	50		
11	g4	Ne5	31	Be5	Nd3	51		
12	h5	Nc4	32	Qh1	Nc1	52		
13	Bb4	Rxc4	33	Bf4	Qd4	53		
14	hxg6	fxg6	34			54		
15	g5	Nh5	35			55		
16	Nb3	RxB	36			56		
17	Qd5	Kh8	37			57		
18	Qxc4	Rxe3	38			58		
19	Rd3	b5	39			59		
20	Nxb5	Bxb5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 黄宇佳			SIGNATURE (BLACK) 拉斯亚			SIGNATURE (ARBITER) 王		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G-8
Round	6
Date	20.02.26
Board	17

WHITE Huang Yujia				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK Hsayaeva Lasya				FED TKM		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxb5	Qc8	41		
2	Kf3	d6	22	Knbl	Qa8	42		
3	d4	cd	23	Kc1	Jc4	43		
4	Kd4	Kf6	24	Qd2	Qc6	44		
5	Kc3	g6	25	Nb3	Qd8	45		
6	Cc3	Qg7	26	Qd2	Qf5	46		
7	f3	o-o	27	Kd3	Qh1	47		
8	Qd2	cd7	28	Kc1	Qf4	48		
9	ooo	Kc6	29	Qd4	e5	49		
10	h4	Jc3	30			50		
11	g4	Kes	31			51		
12	h5	Kc4	32			52		
13	Cc4	Jc4	33			53		
14	hg	hg	34			54		
15	g5	Kh5	35			55		
16	Qd5	Kphs	36			56		
17	Jd3	b5	37			57		
18	Kb5	c68	38			58		
19	Qb5	Jc4	39			59		
20	Qb4	Jc4	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 黄宇佳				SIGNATURE (BLACK) Lasya		SIGNATURE (ARBITER) 王		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11/31
Group G18
Round 06
Date 26.07.21
Board 18

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Shanjoan Akshara				Sri				Sri				Sri			
Sethumasa F. M. Thinuli				Sri				Sri				Sri			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Be3	Nc4	41	c4	bxc4							
2	Nf3	e6	22	Rc1	Rd3	42	kc3	e4							
3	e3	d5	23	Bd4	h6	43	fxe4	fxe4							
4	Bd3	Bd6	24	Nes	Nxes	44	gt	hxg4							
5	Nbd2	Nbd7	25	Bes	as	45	hxg4	g3							
6	O-O	b6	26	as	a4	46	Kd6	Kxc4							
7	Re1	c5	27	Bf4	g5	47	kc7	kd5							
8	c3	Bb7	28	Be3	b5	48	e3	Bxe3							
9	e4	dxe4	29	Kf1	Kf8	49	Kb7	b6							
10	Nxe4	Nxe4	30	ke2	Kd8	50	Kb8	Kc6							
11	Bxe4	Bxe4	31	Rd1	Rc8	51	Kc8	b7							
12	Rxe4	O-O	32	Bcs	Rc8	52	Kd8	b8=Q							
13	Qc2	cxg4	33	ke8	Rc8	53	ke7	Bg5+							
14	Rxd4	Bc5	34	Rb8	Rd8	54	kf7	Qd8							
15	Rb1	Qe7	35	Rxc5	Bxb7	55	kg7	Qf6+							
16	b4	Bd6	36	Kf7	Bc5	56	kh7	Qf7+							
17	Qd3	Rad8	37	Rc6	kd3	57	kh8	Bf6#							
18	Qxd6	Qxd6	38	kd5	f5	58									
19	Rxd6	Nes	39	f5	Bf2	59									
20	Rxd6	Rxd6	40	h5	h3	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Ae				Thinuli				Tn							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11/31
Group G18
Round 06
Date 26.07.21
Board 18

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Akshara shanojan				sri				sri				sri			
Sethumasa Thinuli				sri				sri				sri			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Bc3	Nc4	41	Bf2	h6							
2	Nf3	e6	22	Rc1	Rd3	42	h3	e4							
3	e3	d5	23	Bd6	h6	43	c4	bxc4							
4	Bd3	Bd6	24	Nes	Nxes	44	Kc3	e4							
5	Nbd2	Nbd7	25	Bxe4	g5	45	fxe4	fxe4							
6	O-O	b6	26	Q3	g4	46	b6	fxe4							
7	Re1	c5	27	Bf4	g6	47	g4	hxg4							
8	c3	Bb7	28	Be3	b5	48	hxg4	g3							
9	e4	dxe4	29	Kf1	Kf8	49	g3	Kd6							
10	Nxe4	Nxe4	30	ke2	Kd8	50	Kxc4	Kc7							
11	Bxe4	Bxe4	31	Rd1	R	51	Kd6	e3							
12	Bxe4	Bxe4	32	Rc8	Bc5	52	Bxe3	b6							
13	Rxe4	Qc2	33	Kc3	Rd6	53	Kc6	Kc6							
14	Rxc4	Bc5	34	Rc8	Rc8	54	Kc6	b7							
15	Rd1	Qe7	35	B		55	Kc6	b8=Q							
16	b4	Bd6	36	Rb6	Rxc6	56	Kc7	Bb4							
17	Qd3	Rd3	37	Bxb6	Kd7	57	Kc7	Qd3							
18	Qxd6	Qxd6	38	Bc3	Kc6	58	Kc7	Qf6							
19	Rxd6	Nes	39	Kd3	Kd6	59	b7	Rf7							
20	Rxd6	Rxd6	40	f3	f5	60	Bb4								
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Ae				Thinuli				Tn							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:33
Group 68
Round 6
Date 7.21
Board 19

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Zha Yuxi				Gulomova Farzoda				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4			
C010mova Farzoda				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	KB5	CB	41	KPF2	KPF4	61	KPF2	KPF4	81	KPF2	KPF4	101
2	Kf3	Kc6	22	Kc7	Lf8	42	KPF3	KPF5	62	KPF3	KPF5	82	KPF3	KPF5	102
3	P4	eD	23	Lc8	Lf7	43	g4	KPF4	63	g4	KPF4	83	g4	KPF4	103
4	Cc4	Cc5	24	uBd2	h6	44	KPF4	KPF6	64	KPF4	KPF6	84	KPF4	KPF6	104
5	Kg5	Kh6	25	Ld7	Ld8	45	B4	CB	65	B4	CB	85	B4	CB	105
6	Kf7	Cf7	26	Ld8	KL7	46	KPF7	b5	66	KPF7	b5	86	KPF7	b5	106
7	KPF7	Ph5	27	Cd2	uB7	47	KPF6	de	67	KPF6	de	87	KPF6	de	107
8	g6	PC5	28	Kd4	Sc4	48	KPF7	B7	68	KPF7	B7	88	KPF7	B7	108
9	Qd5	Qd5	29	Rc6	Ld4	49	Ld6	B8=P	69	Ld6	B8=P	89	Ld6	B8=P	109
10	Cd5	Rb4	30	uP7	KPF8	50	KPF4	Qd7	70	KPF4	Qd7	90	KPF4	Qd7	110
11	Kd3	Lb8	31	Kc7	Lc4	51	KPF8	Qd7	71	KPF8	Qd7	91	KPF8	Qd7	111
12	F3	Q5	32	KL7	KPF8	52			72			92			112
13	Qd	Re	33	K8G4	KPF8	53			73			93			113
14	Pd4	KPF8	34	L3	Lb2	54			74			94			114
15	C3	PC	35	uL7	Ld7	55			75			95			115
16	BC	KCb	36	Kc7	h4	56			76			96			116
17	uLd1	Cc5	37	KPF5	Ch6	57			77			97			117
18	uFF2	Ke5	38	KPF6	g5	58			78			98			118
19	uLd1	Kg4	39	KPF6	KPF6	59			79			99			119
20	uLd2	B6	40	g5	B5	60			80			100			120
SIGNATURE (WHITE) Zha Yuxi				SIGNATURE (BLACK) Gulomova Farzoda				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:38
Group 68
Round 6
Date 7.21
Board 19

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Zha Yuxi				Gulomova Farzoda				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4			
C010mova Farzoda				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4				KPF2 KPF4			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Rb2	b6	41	KF2	KF7	61	KF2	KF7	81	KF2	KF7	101
2	Nf3	Nc6	22	Nb5	Cb7	42	Ke3	KF7	62	Ke3	KF7	82	Ke3	KF7	102
3	d4	Ed	23	Nc7	Rf8	43	g4	KF7	63	g4	KF7	83	g4	KF7	103
4	Bc4	Bc5	24	Nb6	Rf7	44	Kd4	Kg6	64	Kd4	Kg6	84	Kd4	Kg6	104
5	Ng5	Nh6	25	Rd2	h6	45	Kc5	b4	65	Kc5	b4	85	Kc5	b4	105
6	Nf7	Nf7	26	Rd8	Rd8	46	Cb	KF7	66	Cb	KF7	86	Cb	KF7	106
7	Bf7	Lf7	27	Rd8	Kh7	47	b5	Lc6	67	b5	Lc6	87	b5	Lc6	107
8	Qh5	g6	28	Bd2	Re7	48	b6	Lf7	68	b6	Lf7	88	b6	Lf7	108
9	Qc5	d6	29	Nd4	Re7	49	b7	Kg6	69	b7	Kg6	89	b7	Kg6	109
10	Qd5	Qd5	30	Nb6	Rd7	50	b8	Lf7	70	b8	Lf7	90	b8	Lf7	110
11	Bd5	Nb4	31	Rd7	Kd5	51	Qd7	Kg8	71	Qd7	Kg8	91	Qd7	Kg8	111
12	Na3	Re8	32	Rd7	Rd7	52	Qd7	Kg8	72	Qd7	Kg8	92	Qd7	Kg8	112
13	f3	d5	33	Nc7	Kf5	53			73			93			113
14	Qd	d5	34	Nb6	Lc6	54			74			94			114
15	fe	Kg5	35	Lh3	Re7	55			75			95			115
16	C3	Kc6	36	Re7	Re7	56			76			96			116
17	Kc	Nc6	37	Nc7	Lc7	57			77			97			117
18	ARE1	Rc6	38	h9	Kf6	58			78			98			118
19	Rf2	Nc5	39	Bh4	Lc6	59			79			99			119
20	Rd1	Nd4	40	g5	b5	60			80			100			120
SIGNATURE (WHITE) Zha Yuxi				SIGNATURE (BLACK) Gulomova Farzoda				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	08
Round	6
Date	7.20
Board	20

WHITE Wu Wan ting				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Gajula Nishitha				FED AUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxc3	Nc7	41					
2	Nf3	g6	22	Bb6	Rc8	42					
3	d4	cd	23	Bxc7	Ra7	43					
4	Nd4 Nf4		24	b5	Rc8	44					
5	Nc3	Bg7	25	b6	Rc6	45					
6	Bc3	Nf6	26	Rxc6	bx6	46					
7	Bc4	0-0	27	Kf2	Kd7	47					
8	0-0	ab	28	es	as	48					
9	a4	Nb4	29	Ke2	Bb3	49					
10	Nxb4	dc	30	Rb2	Ba4	50					
11	Qxd8 Rxb4		31	Ra2	Bb5	51					
12	Bb1	Rd2	32	Ra5	fs	52					
13	Bd3	Bb6	33	Kd4	Ke7	53					
14	fs	Nf6	34	g4	Ke6	54					
15	Bc3	Rd2	35	g5	fd	55					
16	cxg3	Rb8	36	h4	Kf5	56					
17	Rd1	Bb3	37	Ra7	eb	57					
18	Rd2	Ne3	38	Rf7		58					
19	Ra3	Be6	39			59					
20	b4	Bxc3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Wu Wan ting				SIGNATURE (BLACK) Nishitha				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	08
Round	6
Date	7.20
Board	20

WHITE Wu Wan ting				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Nishitha Gajula				FED AUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxc3	Nc7	41					
2	Nf3	g6	22	U.b	Rc8	42					
3	d4	cx d5	23	Lxc8	Rxc7	43					
4	Nxd5	Nc6	24	L5	Rc8	44					
5	Nc3	Lg7	25	Rxc6	Rxc6	45					
6	Le3	Nf6	26	Rxc6	Rxc6	46					
7	Lc4	0-0	27	Kg7	a5	47					
8	0-0	ab	28	Rc3	BL3	48					
9	a4	Nf4	29	R2	Lxa4	49					
10	Nxc6	Lxc6	30	Ra2	BL5	50					
11	Qxd8	Rxd8	31	Rxa5	f5	51					
12	BL6	Rd2	32	Kd4	Ke7	52					
13	Ld3	Le6	33	g4	Ke6	53					
14	f3	Nf6	34	g5	f4	54					
15	Le3	Rd3	35	h4	Kf5	55					
16	cxg3	Rd8	36	Ra7	eb	56					
17	Rd1	Lc3	37	Rxc7		57					
18	Rd2	Ne8	38			58					
19	Rc3	Lc3	39			59					
20	L4	Lxc3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Wu Wan ting				SIGNATURE (BLACK) Nishitha				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	28
Round	6
Date	21
Board	21

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
C n L r h o g r u d o v a				L e o v a n o								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Qh4	Qb6	21	f6	d4	41									
2	Ng4	Ng5	22	Ng5	Qb6	42									
3	Ng5	Cg5	23			43									
4	Kf3	Kc6	24			44									
5	Cb5	Qb6	25			45									
6	Cc6	bc	26			46									
7	O-O	Cd6	27			47									
8	Kf3	Ng5	28			48									
9	Kf3	Ng5	29			49									
10	Kf3	Ng5	30			50									
11	Kf3	Cc5	31			51									
12	Ce	Qb6	32			52									
13	dc	Qc5	33			53									
14	b4	Qc5	34			54									
15	Qd2	Qc5	35			55									
16	Ng5	Qb6	36			56									
17	Ng5	Qb6	37			57									
18	Ng5	Qb6	38			58									
19	Ng5	Qb6	39			59									
20	Ng5	Qb6	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
45				45											

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	28
Round	6
Date	21.07.2024
Board	21

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Chernozmudova, Sofia				Ligenko, Stepaniya								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	C6	21	Qg4	d4	41									
2	d4	d5	22	f6	g6	42									
3	C5	C5	23	Qh6	Qd2	43									
4	Kf3	Kc6	24	Qg4	K	44									
5	Cb5	Qb6	25			45									
6	Cc6	bc	26			46									
7	O-O	Cd6	27			47									
8	Kf3	Kc7	28			48									
9	Kc3	Kf5	29			49									
10	Kd4	Qb4	30			50									
11	Kc5	Cc5	31			51									
12	C3	Qb6	32			52									
13	dc	Qc5	33			53									
14	b4	Qc5	34			54									
15	Cd2	Qc4	35			55									
16	Ng5	Qb5	36			56									
17	Kg5	O-O	37			57									
18	Qh5	Kh6	38			58									
19	Kd4	Kf5	39			59									
20	Q4	Qd3	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
45				45											

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

11:03

Group

68

Round

6

Board

22

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Muhd Azzam Izzat, Aisya Azzahra				Wong, Catalina Adelaide				MAS				HKG			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1/2				1/2											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Nf3	d6	21	Rd8	a6	41	a43	a4d2	21	Rd8	a6	41	a43	a4d2	21
2	c4	Nf6	22	Nf5	d5	42	a43	B45	22	Nf5	d5	42	a43	B45	22
3	e3	e5	23	d6	Q4	43	f4	e3	23	d6	Q4	43	f4	e3	23
4	h3	Be7	24	Rf1	Nd2	44	Rf1	Bf7	24	Rf1	Nd2	44	Rf1	Bf7	24
5	Nc3	Nb7	25	Qd3	Nx4	45	Nb6	a4	25	Qd3	Nx4	45	Nb6	a4	25
6	Be2	c6	26	Rd1	e5	46	Bd4	Kf7	26	Rd1	e5	46	Bd4	Kf7	26
7	Qc2	a7	27	Bf3	Rf4	47	a4	e3	27	Bf3	Rf4	47	a4	e3	27
8	b3	d5	28	Bc3	f4	48	Bc3	Bf5	28	Bc3	f4	48	Bc3	Bf5	28
9	cd5	cd5	29	Bx4	Rf8	49	Rd5	Bf7	29	Bx4	Rf8	49	Rd5	Bf7	29
10	0-0	0-0	30	a4	a4	50	a5	b4	30	a4	a4	50	a5	b4	30
11	Bb2	b6	31	e1	d4	51	Bb2	a5	31	e1	d4	51	Bb2	a5	31
12	Ra1	Qd7	32	Bb4	e7	52	Ra1	Kf7	32	Bb4	e7	52	Ra1	Kf7	32
13	Nb1	B5	33	a5	a5	53	Nb1	Kf6	33	a5	a5	53	Nb1	Kf6	33
14	Nd5	Nd5	34	Bc3	Rd5	54	Rd1	b5	34	Bc3	Rd5	54	Rd1	b5	34
15	Bc4	Qd7	35	Bb4	a4	55	Kg3	h4	35	Bb4	a4	55	Kg3	h4	35
16	Bb2	B7	36	Bx4	Rd5	56	Kb2	Kf6	36	Bx4	Rd5	56	Kb2	Kf6	36
17	d4	Bb4	37	Rd1	Kf8	57	d4	Kf7	37	Rd1	Kf8	57	d4	Kf7	37
18	Nd2	Nd4	38	Rd1	Bb4	58	Nd2	g4	38	Rd1	Bb4	58	Nd2	g4	38
19	Nf3	f5	39	f3	Bf3	59	Nf3	Kf6	39	f3	Bf3	59	Nf3	Kf6	39
20	a4	Rd1	40	Rd2	K	60	a4	Kf5	40	Rd2	K	60	a4	Kf5	40

SIGNATURE (WHITE)

11:03

SIGNATURE (BLACK)

11:03

SIGNATURE (ARBITER)

11:03

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

11:03

Group

68

Round

6

Board

22

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Muhd Azzam Izzat, Aisya Azzahra				Wong, Catalina Adelaide				MAS				HKG			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1/2				1/2											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Nf3	d6	21	Rd1	QF6	41	Qd3	QxQd3	21	Rd1	QF6	41	Qd3	QxQd3	21
2	c4	Nf6	22	Nd5	BxNf5	42	RxQd3	Bh5	22	Nd5	BxNf5	42	RxQd3	Bh5	22
3	e3	e5	23	dxb5	Qh4	43	Rxd4	Kh7	23	dxb5	Qh4	43	Rxd4	Kh7	23
4	h3	Be7	24	Rf1	Nd2	44	Re4	Bf7	24	Rf1	Nd2	44	Re4	Bf7	24
5	Nc3	Nd7	25	Qd3	NxRf1	45	b4	axb4	25	Qd3	NxRf1	45	b4	axb4	25
6	Be2	c6	26	RxNf1	Qg5	46	Bxb4	Kg8	26	RxNf1	Qg5	46	Bxb4	Kg8	26
7	Qc2	Qc7	27	Bf3	Af8	47	a4	q6	27	Bf3	Af8	47	a4	q6	27
8	b3	d5	28	Bc3	f4	48	Bb3	Bd5	28	Bc3	f4	48	Bb3	Bd5	28
9	cxd5	cxd5	29	Bg4	Nb9	49	Re5	Bf7	29	Bg4	Nb9	49	Re5	Bf7	29
10	0-0	0-0	30	exf4	Qxf4	50	a5	bxa5	30	exf4	Qxf4	50	a5	bxa5	30
11	Bb2	b6	31	e6	d4	51	Bxa5	g5	31	e6	d4	51	Bxa5	g5	31
12	Ra1	Qb7	32	Bb4	Re8	52	Bd8	Kg7	32	Bb4	Re8	52	Bd8	Kg7	32
13	Nb1	Bc5	33	e7	a5	53	Kh2	Kf6	33	e7	a5	53	Kh2	Kf6	33
14	Nxe5	NxNe5	34	Ba3	Ra8	54	Re1	h5	34	Ba3	Ra8	54	Re1	h5	34
15	BxNe5	Qe1	35	Bd7	Qf6	55	Kg3	h4	35	Bd7	Qf6	55	Kg3	h4	35
16	Bb2	Rb7	36	BxRe8	Rxb8	56	Kh2	Kg6	36	BxRe8	Rxb8	56	Kh2	Kg6	36
17	d4	Bd6	37	Qc4	Kh8	57	g3	Kg7	37	Qc4	Kh8	57	g3	Kg7	37
18	Nd2	Ne4	38	Rd1	Qg6	58	gxh4	gxh4	38	Rd1	Qg6	58	gxh4	gxh4	38
19	Nf3	f5	39	p3	Bxf3	59	Qg1	Kh6	39	p3	Bxf3	59	Qg1	Kh6	39
20	Qb1	Rac8	40	Rd2	h6	60	Re1	Kg5	40	Rd2	h6	60	Re1	Kg5	40

SIGNATURE (WHITE)

11:03

SIGNATURE (BLACK)

11:03

SIGNATURE (ARBITER)

11:03

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.11 Board 23

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
TOD ERDENE NARANBAATAR				KASEMSUP TEERATA											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	Nf6	21	Nd5	Nd5	41	h3	Ra1+							
2	NC3	g8	22	Ed	Nf5	42	Kh2	RD5							
3	P3	Bg7	23	Bc5	d1	43	E6	Rd8							
4	d4	O-O	24	Rd4	Qd7	44	E7	Rb8							
5	Nf3	Qe	25	Bd3	Raas	45	af8+	Kg7							
6	Be2	Nf6	26	Eb5	Raas	46	Rb8	Kf6							
7	O-O	Re8	27	Qc4	Qb5	47	E8-Q	Kg7							
8	c5	Nb8	28	Qb5	Qa2	48	Rb7+	Kh6							
9	Bd2	Bf4	29	Be2	1 b4	49	af8+	Kh5							
10	Nd4	Rd8	30	Bb5	Rf8	50	Rh7+								
11	Bb6	b6	31	Bc4	Ra8	51									
12	Qb5	Qc8	32	Rf2	Kh2	52									
13	Nh5	Rf5	33	Kh1	Rd7	53									
14	Rf4	Qc8	34	Qd6	Ed	54									
15	f4	Qb	35	Rf8	Rf8	55									
16	Dxb3	Nb7	36	Rd8	Rd8	56									
17	Bf3	E6	37	Rd2	Rd2	57									
18	Je	Nc5	38	Rb8+	Bf8	58									
19	Bd2	Nb5	39	af8+	Kg7	59									
20	Be3	Rd7	40	Rf8+	Kh7	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
TOD ERDENE				TEERATA				Z							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2/11/26 Board 23

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
TOD ERDENE NARANBAATAR				TEERATA KASEMSUP											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	Nf6	21	Nd5	Nd5	41	h3	Ra1+							
2	NC3	g8	22	Qc4	NC5	42	Kh2	Ra5							
3	e3	Bg7	23	Qxc5	Qxc5	43	E6	Ra8							
4	d4	O-O	24	Rd4	Qd7	44	E7	Rb8							
5	Nf3	Qe	25	Bd3	Raas	45	af8+	Kg7							
6	Be2	Nf6	26	Eb5	Raas	46	Rb8	Kf6							
7	O-O	Re8	27	Qc4	Qb5	47	E8-Q	Kg7							
8	c5	Nb8	28	Qb5	Qa2	48	Rb7+	Kh6							
9	Bd2	Bf4	29	Be2	1 b4	49	af8+	Kh5							
10	Nd4	Rd8	30	Bb5	Rf8	50	Rh7+								
11	Bb6	b6	31	Bc4	Ra8	51									
12	Qb5	Qc8	32	Rf2	Kh2	52									
13	Nh5	Rf5	33	Kh1	Rd7	53									
14	Rf4	Qc8	34	Qd6	Ed	54									
15	f4	Qb	35	Rf8	Rf8	55									
16	Dxb3	Nb7	36	Rd8	Rd8	56									
17	Bf3	E6	37	Rd2	Rd2	57									
18	Je	Nc5	38	Rb8+	Bf8	58									
19	Bd2	Nb5	39	af8+	Kg7	59									
20	Be3	Rd7	40	Rf8+	Kh7	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
TOD ERDENE				TEERATA				Z							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21/12/2026

Group G8
Round 6

Board 24

WHITE Zhang Zhi xian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Nguyen Xuan Thanh Han				FED AUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qd1	Rg4	41	Qd1	Kth5			
2	d4	d5	22	f3	arg1	42	Qe2	Kg6			
3	e5	Bh5	23	Kh1	Nh4	43	Kg1	Qh3			
4	h4	h5	24	Rg1	Qe4	44	Qe6	th7			
5	Bg5	Nd7	25	Fg4	Qg5	45	Qe4	g6			
6	Ne5	Qe7	26	g2h5	Qe3	46	Qe7	Kh6			
7	Nd2	Qe6	27	Qg1	Nf5	47	Qe4	Rf1#			
8	Bd2	c5	28	Rf1	Qd2	48					
9	c3	c4	29	Rf5	Qh6	49					
10	Rc1	Be7	30	Rg5	Rf7	50					
11	Qe7	Nre7	31	Rg7	Qd2	51					
12	Qb3	b5	32	Rc6	c5b3	52					
13	Q4	a6	33	Q5	Kf8	53					
14	Rd1	Qd7	34	Rd6	Rd6	54					
15	Qe5	Ng6	35	Qc8	Ke7	55					
16	g1	f6	36	Rc1	Kf6	56					
17	Qe6	Nx6	37	Qd6	Kg5	57					
18	Nf5	Ng4	38	Rc5	Kg4	58					
19	Bd4	Bd4	39	Qe6	Rf5	59					
20	Qc2	Bf5	40	Re4	Qe4	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhang zhi xian				SIGNATURE (BLACK) Xuan				SIGNATURE (ARBITER) Tan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21/12/2026

Group G8
Round 6

Board 24

WHITE Zhang Zhi xian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Nguyen Xuan Thanh Han				FED AUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qd1	Rg4	41	Qd1	Kth5			
2	d4	d5	22	f3	arg1	42	Qe2	Kg6			
3	e5	Bf5	23	Kh1	Nh4	43	Kg1	Qh3			
4	h4	h5	24	Rg1	Qe4	44	Qe6	th7			
5	Bg5	Nd7	25	Fg4	Qg5	45	Qe4	g6			
6	Ne5	Qe7	26	g2h5	Qe3	46	Qe7	Kh6			
7	Nd2	Qe6	27	Qg1	Nf5	47	Qe4	Rf1#			
8	Bd2	c5	28	Rf1	Qd2	48					
9	c3	c4	29	Rf5	Qh6	49					
10	Rc1	Be7	30	Rg5	Rf7	50					
11	Qe7	Nre7	31	Rg7	Qd2	51					
12	Qb3	b5	32	Rc6	c5b3	52					
13	Q4	a6	33	Q5	Kf8	53					
14	Rd1	Qd7	34	Rd6	Rd6	54					
15	Qe5	Ng6	35	Qc8	Ke7	55					
16	g1	f6	36	Rc1	Kf6	56					
17	Qe6	Nx6	37	Qd6	Kg5	57					
18	Nf5	Ng4	38	Rc5	Kg4	58					
19	Bd4	Bd4	39	Qe6	Rf5	59					
20	Qc2	Bf5	40	Re4	Qe4	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhang zhi xian				SIGNATURE (BLACK) Xuan				SIGNATURE (ARBITER) Tan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 25

Group: G8
Round: 6
Board: 25

WHITE: Alisha				FED: TPE				RESULT (W): 0			
BLACK: Lin, Yong-Qian				FED: TPE				RESULT (B): 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21			41					
2	Nf3	Nc6	22			42					
3	Bc4	Bc5	23			43					
4	O-O	Nf6	24			44					
5	d3	h6	25			45					
6	Be3	Bxe3	26			46					
7	fxe3	O-O	27			47					
8	Nc3	Ng4	28			48					
9	Nd2	Nxe3	29			49					
10	Qe2	Nxf1	30			50					
11	Qxf1	c1b	31			51					
12	Qf2	Be6	32			52					
13	Bd5	Rb8	33			53					
14	Bxc6	Bxc6	34			54					
15	Qxa7	Rxb2	35			55					
16	Nc4	Rxc2	36			56					
17	Qa3	Qf6	37			57					
18	Rc1	Qf2	38			58					
19	Kh1	Qxg2	39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE): Alisha				SIGNATURE (BLACK): Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (ARBITER): SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 25

Group: G8
Round: 2
Board: 25

WHITE: Alisha				FED: TPE				RESULT (W): 0			
BLACK: Lin, Yong-Qian				FED: TPE				RESULT (B): 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21			41					
2	Nf3	Nc6	22			42					
3	Bc4	Bc5	23			43					
4	O-O	Nf6	24			44					
5	d3	h6	25			45					
6	Be3	Bxe3	26			46					
7	fxe3	O-O	27			47					
8	Nc3	Ng4	28			48					
9	Nd2	Nxe3	29			49					
10	Qe2	Nxf1	30			50					
11	Qxf1	d6	31			51					
12	Qf2	Be6	32			52					
13	Bd5	Rb8	33			53					
14	Bxc6	Bxc6	34			54					
15	Qxa7	Rxb2	35			55					
16	Nc4	Rxc2	36			56					
17	Qa3	Qf6	37			57					
18	Rc1	Qf2	38			58					
19	Kh1	Qxg2	39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE): Alisha				SIGNATURE (BLACK): Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (ARBITER): SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G08**
Round **6**
Date **21 Jul** Board **26**

WHITE Alesha				FED INA				RESULT (W) 1			
BLACK yan n'ing				FED SGP				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21			41					
2	Nc3	Nf6	22			42					
3	Bf4	Nc6	23			43					
4	Nb5	e5	24			44					
5	dxe5	a6	25			45					
6	c×f6	axb5	26			46					
7	f×g7	Bxg7	27			47					
8	c3	Be6	28			48					
9	a3	Qf6	29			49					
10	e3	Na7	30			50					
11	Nf3	c6	31			51					
12	Bd3	0-0	32			52					
13	Bg5	Qxg5	33			53					
14	Nxg5	Nc8	34			54					
15	Bxh7	Kh8	35			55					
16	Nxh6	f×e6	36			56					
17	Bg6	Ne7	37			57					
18	Qh5	Bh6	38			58					
19	Qxh6	Kg8	39			59					
20	Qh7		40			60					
SIGNATURE (WHITE) A				SIGNATURE (BLACK) yan				SIGNATURE (ARBITER) SR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G08**
Round **6**
Date **21 Jul** Board **26**

WHITE Alesha Mahawira Azhwa				FED INA				RESULT (W) 1			
BLACK Ng Yan Niy				FED SGP				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21			41					
2	Nc3	Nf6	22			42					
3	Bf4	Nc6	23			43					
4	Nb5	e5	24			44					
5	d×e5	a6	25			45					
6	e×f6	axb5	26			46					
7	f×g7	Bxg7	27			47					
8	c3	Be6	28			48					
9	a3	Qf6	29			49					
10	e3	Na7	30			50					
11	Nf3	c6	31			51					
12	Bd3	0-0?	32			52					
13	Bg5	Qxg5	33			53					
14	Nxg5	Nc8	34			54					
15	Bxh7	Kh8	35			55					
16	Nxh6	f×e6	36			56					
17	Bg6	Ne7	37			57					
18	Qh5	Bh6	38			58					
19	Qxh6	Kg8	39			59					
20	Qh7		40			60					
SIGNATURE (WHITE) A				SIGNATURE (BLACK) yan				SIGNATURE (ARBITER) SR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 27

Group 68
Round 15

WHITE				BLACK				
Lee, xin En 202				FED CHN CHN				
BLACK				FED CHN RESULT (W) 1				
Liu songmei				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 Nf6	21	Rh8 Bc7 Bc7	41				
2	c4 g6	22	Rc8 Bc6	42				
3	Nc3 d5	23	Rh8 Qd4	43				
4	Cxd5 Nxd5	24	f3 Qf4	44				
5	e4 Nxc3	25	Qd1 Qe3	45				
6	bxc3 Bc7	26	Kh1 Kf7	46				
7	Nf3 c5	27	Ra8 b5	47				
8	Bc4 Qa5	28	Kc8 Bd5	48				
9	Bd2 Nc6	29	h7 Bc2	49				
10	Qc2 Qc7	30	Qd8 b4	50				
11	Qc1 Qc7	31	Qf8	51				
12	Qd1 Cd	32		52				
13	Cxd4 Nxd4	33		53				
14	Nxd4 Bxd4	34		54				
15	Rd1 Bxd1	35		55				
16	Qxa1 Qc2	36		56				
17	Bh6 f6	37		57				
18	Bxf8 Kxf7	38		58				
19	Rd3+ Kf7	39		59				
20	es	40		60				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
76				Liu song mei				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				SR				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21 Board 27

Group 68
Round 15

WHITE				BLACK				
Lee xin on 202				Liu song mei				
FED 660				FED CHN				
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nc6	21	Rh8	Bc7	41		
2	c4	g6	22	Rc8	Bc6	42		
3	Nf3	d5	23	Rh8	Qd4	43		
4	Cxd5	Nxd5	24	f3	Qf4	44		
5	e4	Nc3	25	Qd1	Qe3	45		
6	bxc3	Bc7	26	Kh1	Kf7	46		
7	Nc3	c5	27	Ra8	b5	47		
8	Bc4	Qa5	28	Kc8	Bd5	48		
9	Bd2	Nc6	29	h7	Bc2	49		
10	Qc2	Qc7	30	Qd8	b4	50		
11	Qc1	Cd4	31			51		
12	Cxd4	Nxd4	32			52		
13	Nxd4	Bxd4	33			53		
14	Rd1	Bxd1	34			54		
15	Qxa1	Bxd1	35			55		
16	Bh6	f6	36			56		
17	Bxf8	Kxf7	37			57		
18	es	Qe3	38			58		
19	Qe3	Qd4	39			59		
20	es	Qd4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
76				Liu song mei				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				SR				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10-11
Group G
Round 6
Date 01.07 Board 28

WHITE			Yathaw Htet Ko			FED	MYA	RESULT (W)	1
BLACK			Saidakramzade Oisha			FED	MYA	RESULT (B)	0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	♗c4	♗f6	41			
2	Kf3	Kc6	22	♗f1	♗e4	42			
3	♗e4	♗c5	23	Kf3	Kc6	43			
4	Kc3	Kf6	24	♗g4	♗f5	44			
5	d3	0-0	25	♗g4	♗f5	45			
6	♗g5	h6	26	♗f6	♗g4	46			
7	♗e3	c4	27	♗g4	♗f5	47			
8	0-0	d6	28	♗c4	♗f6	48			
9	a3	c5	29	♗g4	♗f5	49			
10	h3	♗d5	30			50			
11	ed	Ka5	31			51			
12	b4	♗d6	32			52			
13	ba	c4	33			53			
14	d0	♗d4	34			54			
15	♗e1	Kc8	35			55			
16	♗d2	♗e4	36			56			
17	a4	♗f6	37			57			
18	♗d5	♗g6	38			58			
19	♗d3	♗h3	39			59			
20	Kf6	e5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Yathaw			Saidakramzade			Arbiter			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10-11
Group G
Round 6
Date 01.07 Board 28

WHITE Yathaw Htet Ko				FED		RESULT (W)		1	
BLACK Saidakramzade Zodo Oisha				FED		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	e5	Bc7	41			
2	Nf3	Nc6	22	Cx6	gxt6	42			
3	Bc4	Bc5	23	Pxc7	Kxh8	43			
4	Nc3	Nf6	24	Ne2	Rg8	44			
5	d3	O-O	25	Ng3	Qa7	45			
6	Ba5	h6	26	Qf4	Qxg6	46			
7	Ba3	Bb4	27	Bxf6	Rg7	47			
8	O-O	d6	28	Bxg7	Qxg7	48			
9	a3	Bc5	29	Qxc7	Qxg7	49			
10	h3	d5	30	Bxf7	Rg8	50			
11	e4	Na5	31	Rh7		51			
12	b4	Bd6	32			52			
13	Bxa5	e4	33			53			
14	dxe4	Qd7	34			54			
15	Re1	Ne8	35			55			
16	Qd2	Qe7	36			56			
17	a4	Qx6	37			57			
18	Bd4	Qg6	38			58			
19	Qd3	Bh3	39			59			
20	Bxf7	Nf6	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Yathaw				SIGNATURE (BLACK) Saidakramzade		SIGNATURE (ARBITER) Z.			